

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 1017/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí vận chuyển gạo cấp học kỳ I năm học 2016 - 2017 thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 21/1/2009 quy định về giá cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải ô tô áp dụng để tính trợ cước vận chuyển hàng hóa các mặt hàng chính sách phục vụ đồng bào miền núi, Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 về việc phê duyệt số lượng học sinh và số lượng gạo được hỗ trợ học kỳ I năm học 2016 - 2017 thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1194/STC-NSHX ngày 29/3/2017 về việc phê duyệt kinh phí vận chuyển gạo hỗ trợ cho học sinh tỉnh Thanh Hóa học kỳ I năm học 2016 - 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí vận chuyển gạo cấp học kỳ I năm học 2016 - 2017 thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Số lượng gạo vận chuyển: 948,945 tấn.
2. Đơn giá vận chuyển: Theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3. Địa điểm giao, nhận gạo: Trung tâm xã hoặc cụm xã và các đơn vị được hỗ trợ.

4. Kinh phí hỗ trợ:

- Tổng số tiền (làm tròn): 273.053.000 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu, không trăm năm mươi ba nghìn đồng)

(Có dự toán chi tiết tại phụ lục kèm theo).

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp đảm bảo xã hội (đảm bảo xã hội khác) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh cấp kinh phí cho Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa để thực hiện.

2. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh, quyết toán theo chế độ quy định.

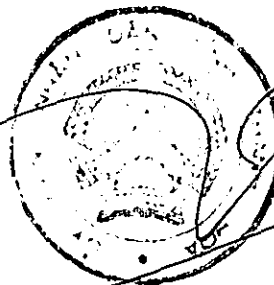
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Thị Thìn;
- Lưu: VT, KTTC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn



Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: 1047 /QĐ-UBND ngày 04 /4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung chi phí	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
	Tổng số tiền	273.053.987
	Làm tròn số	273.053.000
I	Chi phí vận chuyển gạo	225.247.337
1	Cước cơ bản:	192.983.207
	- Miền núi: $908,355 \text{ tấn} \times 40 \text{ km} \times 4.713 \text{ đ/tấn-km} \times 1,1$	188.367.393
	- Miền xuôi ($40,593 \text{ tấn} \times 30 \text{ km} \times 3.446 \text{ đ/tấn-km} \times 1,1$)	4.615.814
2	Chi phí chờ đợi ($34.000 \text{ đ/xe/giờ} \times 948,945 \text{ tấn} \times 1 \text{ giờ}$)	32.264.130
III	Chi phí phục vụ giao nhận gạo; chi phí quản lý, chỉ đạo	47.806.650
-	Huyện Mường Lát ($40,59 \text{ tấn} \times 60000 \text{ đ/tấn}$)	5.809.500
-	10 huyện miền núi còn lại ($811,533 \text{ tấn} \times 50000 \text{ đ/tấn}$)	40.576.500
-	Huyện miền xuôi ($40,59 \text{ tấn} \times 35000 \text{ đ/tấn}$)	1.420.650

12/8